

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12/7/2019

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Hùng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Đình Hoa**

Bà Trương Thị Mỹ Hạnh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Bình** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Ông **Võ Quang Tiến** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 về “*Tranh chấp ly hôn, con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đào Thị Bích G** - Sinh năm 1997. Địa chỉ: Số x đường Lê Đại H, tổ 0y, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Địa chỉ liên lạc: Kx/y đường V, tổ x, phường T, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.
Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Phạm Hoài T** - Sinh năm 1996; Địa chỉ: Tổ x (tổ 64 cũ), phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện nộp tại Tòa án, và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đào Thị Bích G trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Hoài T sống chung với nhau từ năm 2016 đến năm 2017 mới đăng ký kết hôn, tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự

nguyên. Sau khi về chung sống với nhau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do trước khi kết hôn, bà G chưa tìm hiểu kỹ về tính tình của hai người nên khi kết hôn vợ chồng tính tình không hợp nhau. Bà và ông T đã sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay, bà G xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà G xác định trong thời kỳ hôn nhân bà và ông T có 01 con chung Phạm Đào Ngọc H, sinh ngày 15/9/2016. Ly hôn bà G đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà G xác nhận, bà và ông T không có tài sản chung, không có nợ chung.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Hoài T không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, ông T vắng mặt lần hai, không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại các điều 195, 196, 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Người tham gia tố tụng: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Đào Thị Bích G đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Phạm Hoài T không tham gia quá trình tố tụng, không tham dự phiên tòa là đã không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình, xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đào Thị Bích G đối với ông Phạm Hoài T.

+ Về con chung: Giao 01 con chung tên Phạm Đào Ngọc H, sinh ngày 15/9/2016 cho bà G trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bà G không yêu cầu cấp ông T cấp dưỡng nên ông T không cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Dương sự xác định không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Phạm Hoài T, nhưng tại phiên tòa ông T vắng mặt lần hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung: Bà Đào Thị Bích G và ông Phạm Hoài T đăng ký kết hôn vào ngày 09/02/2017, vào sổ số 12/2017 tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Vì vậy, hôn nhân giữa bà G và ông T là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà G, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án, ông T không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà G. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định: Trong quá trình chung sống, giữa bà G và ông T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn như bà G trình bày là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, bà G nhận thấy cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc nên bà đã về nhà mẹ đẻ sinh sống cho đến nay. Qua xác minh cho thấy tại địa phương chỉ có mình ông Phạm Hoài T cư trú, còn bà G không cư trú tại địa phương, điều này thể hiện ông T và bà G không còn sống chung với nhau là đúng, hôn nhân giữa bà G và ông T chỉ còn tồn tại về mặt pháp lý. Ngoài ra quá trình giải quyết vụ án việc ông T không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia tố tụng đã thể hiện ông T không có mong muốn đoàn tụ, bỏ mặc cho mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà G và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của bà G đối với ông T, xử cho bà G được ly hôn với ông T.

[3] Về quan hệ con chung: Bà G xác nhận giữa bà và ông T có 01 con chung tên là Phạm Đào Ngọc H, sinh ngày 15/9/2016. Bà Gang có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Xét, hiện nay con chung Phạm Đào Ngọc H, sinh ngày 15/9/2016 chưa đủ 36 tháng tuổi theo quy định thì con dưới 36 tháng tuổi giao cho người mẹ nuôi dưỡng, mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án ông T không thể hiện ý kiến gì đối với con chung nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Hân cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà G không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà G xác định bà và ông T không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ bà G phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, các Điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đào Thị Bích G đối với ông Phạm Hoài T về việc “*Tranh chấp ly hôn, con chung*”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Đào Thị Bích G được ly hôn với Phạm Hoài T.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Phạm Đào Ngọc Hân, sinh ngày 15/9/2016 cho bà Đào Thị Bích G được trực tiếp chăm sóc nuôi con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Phạm Hoài T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đào Thị Bích G khai nhận không có nên không xem xét giải quyết.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Đào Thị Bích G phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn ngàn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0006058 ngày 06 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu. Bà G đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trở đồng hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND. quận Liên Chiểu;
- UBND. phường Hòa Khánh Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Hùng